

PHẬT THUYẾT ĐẠI THỪA VÔ LƯỢNG THỌ TRANG NGHIỆM, THANH TỊNH, BÌNH ĐẲNG, GIÁC KINH

Phúc giảng lần thứ ba: Cô Lưu Tố Vân

Thời gian: 22/04/2024

Địa điểm: Tiểu viện Lục Hòa

Việt dịch: Ban biên dịch Pháp Âm Tuyên Lưu

Tập 33

Chư vị đồng tu tôn kính, chào mọi người. A-di-đà Phật. Từ hôm nay trở đi, tôi bắt đầu giảng kinh văn phẩm thứ bảy.

PHẨM THỨ BẢY: TẮT THÀNH CHÁNH GIÁC

Phẩm trước “Phát đại thệ nguyện” là nhân, phẩm này “Tắt thành Chánh giác” là quả. Có nhân thù thắng là đại thệ nguyện, tất nhiên sẽ cảm được quả vi diệu là Vô thượng chánh giác. Tỳ-kheo Pháp Tạng sau khi nói ra 48 nguyện ở trước Thế Gian Tự Tại Vương Như Lai, ngài lại dùng kệ tụng để bày tỏ hạnh nguyện của mình, đồng thời thỉnh Thế Gian Tự Tại Vương Như Lai chứng minh. Bởi vì đại nguyện của ngài chân thành và sâu rộng, nên ngay lúc đó liền cảm ứng được trời tuôn mưa hoa, mặt đất rung động, đồng thời không trung vang lời khen rằng ngài nhất định sẽ thành Phật.

Mời xem kinh văn tiếp theo:

Phật bảo A-nan, bảy giờ tỳ-kheo Pháp Tạng phát nguyện xong, liền nói kệ tụng rằng.

Phật bảo A-nan, lúc đó tỳ-kheo Pháp Tạng ở trước Thế Gian Tự Tại Vương Như Lai, sau khi nói xong các đại nguyện trên, lại dùng kệ tụng để bày tỏ tâm nguyện của mình. Đoạn kệ tụng này chính là cốt lõi của toàn bộ đại nguyện của đại sĩ Pháp Tạng.

Mời xem kệ tụng:

**Con lập chí hơn đời, ắt đạt đạo Vô thượng,
Nguyện này nếu không toại, thề không thành Đẳng giác.
Còn làm đại thí chủ, cứu khắp chúng cùng khổ,**

**Khiến các quần sanh kia, đêm dài không ưu não,
Xuất sanh các thiện căn, thành tựu quả bồ-đề.**

Đại ý của bốn câu kệ đầu là: Con đã lập chí nguyện vượt hơn hết thảy thế gian, nhất định thành tựu đạo Vô thượng. Nguyện này nếu không được thỏa mãn, con nhất định không thành Phật. Bốn câu này là những lớp sợi ngang dọc dệt nên 48 nguyện, tức đại nguyện nhất định thành Phật.

Đại ý của sáu câu kệ sau là: Song song với việc cầu thành Chánh giác, con còn muốn làm đại thí chủ của các loài chúng sanh, cứu giúp sự nghèo khó và khôn khổ của họ. Phải làm cho các loài chúng sanh trong đêm dài sanh tử vĩnh viễn lìa xa lo âu và đau khổ, còn sanh ra các căn lành, thành tựu diệu quả bồ-đề. Đây là những lớp sợi ngang dọc dệt nên 48 nguyện, mỗi một nguyện đều vì hết thảy chúng sanh.

Tiếp theo giải thích cụ thể mười câu kệ tụng này.

“Con lập chí hơn đời.”

“Hơn đời” là chỉ cho vượt hơn hết thảy thế gian. Ở đây không chỉ vượt hơn Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát, mà còn vượt hơn cả chư Phật.

Trong kinh này nói, thế giới Cực Lạc “vượt hơn hết thảy thế giới mười phương”. Do đó, chí nguyện siêu thế của tỳ-kheo Pháp Tạng thực tế là muốn vượt hơn đại nguyện của hết thảy chư Phật. Đại sĩ Pháp Tạng “trụ trí tuệ chân thật, nhất hướng chuyên chí trang nghiêm diệu độ”. Cho nên, các loại thù thắng trang nghiêm của Cực Lạc đều là sự lưu lộ của trí tuệ chân thật nơi tự tâm của Di-đà. Điều này hoàn toàn khế hợp với Vãng Sanh Luận: ba loại trang nghiêm vào trong một câu pháp, một câu pháp là câu thanh tịnh, tức trí tuệ chân thật, pháp thân vô vi, đều khế hợp nhau. Pháp thân vô vi chính là tự tâm của mỗi người. Nhân đây mà nói, các loại y chánh trang nghiêm của Cực Lạc hoàn toàn hiển bày tâm của chính chúng ta.

Lão cư sĩ Hạ Liên Cư trong Tịnh Tu Tiệp Yếu nói: “Nhờ y chánh ấy mà hiển lộ tự tâm ta.” “Nhờ” tức là mượn, nương vào. Nương nơi y báo của thế giới Cực Lạc, cũng chính là cõi nước, sắc tướng, quang minh, âm thanh, mùi hương; và chánh báo của thế giới Cực Lạc, cũng tức là chư Phật, Bồ-tát. Mượn y báo và chánh báo của thế giới Cực Lạc để hiển bày bản tâm của chính mình.

Vừa là những thứ mà tự tâm sẵn có, cũng vừa là sự lưu hiện của pháp thân chư Phật. Do vậy mỗi một hạt bụi, mỗi một sợi lông của thế giới Cực Lạc đều là nhất chân pháp giới, mỗi mỗi đều viên minh đầy đủ đức.

Lý sự vô ngại được nói đến, như: nước, chim, rừng cây đều nói diệu pháp; sắc, thanh, hương, quang đều làm tăng trưởng đạo niệm. Đặc biệt là phàm phu mang nghiệp vãng sanh đều chứng tam bất thoái, vượt ngoài tình kiến, không thể nghĩ bàn.

Sự sự vô ngại được nói đến, như: hạt cải chứa núi Tu-di, một sát-na tức là ức vạn kiếp, đã hoàn toàn phá vỡ hết thấy tình kiến của thế gian. Cho nên, biển nguyện của đại sĩ Pháp Tạng được gọi là “chí nguyện hơn đời”.

“Ất đạt đạo Vô thượng, nguyện này nếu không toại, sẽ không thành Đẳng giác.”

“Đạo” là chỉ cho giác ngộ. “Đạo Vô thượng” chính là sự giác ngộ tối cao vô thượng, cũng chính là Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Kinh Pháp Hoa nói: “Ta thường suy nghĩ rằng, làm sao khiến chúng sanh được vào đạo Vô thượng, mau chóng thành tựu Phật thân.” Lời trong kinh Pháp Hoa nói hoàn toàn nhất quán với đại nguyện của tỳ-kheo Pháp Tạng, đều là muốn chúng sanh thành Phật. “Ất đạt đạo Vô thượng” được quán triệt trong toàn bộ đại nguyện, vừa là chủ thể của đại nguyện, vừa là quả thù thắng của đại nguyện. 48 nguyện, mỗi nguyện đều vì chúng sanh thành Phật. Do đó nguyện này là chủ thể của đại nguyện. Cái gọi là quả, chính là chúng sanh nương vào và tuân theo biển đại thế nguyện này, nhất định sẽ chứng nhập Vô thượng bồ-đề.

“Còn làm đại thí chủ, cứu khắp chúng cùng khổ.”

Tỳ-kheo Pháp Tạng còn muốn làm đại thí chủ. Đại thí chủ bao gồm bố thí tài và bố thí pháp. Bởi vì chúng sanh vẫn còn là phàm phu, họ vẫn chưa thể rời khỏi đời sống vật chất, cho nên vẫn cần phải bố thí tài. Nếu bạn chỉ bố thí tài thì bạn cứu người chưa được triệt để. Cứu người cần phải cứu triệt để, vậy thì phải tiến hành bố thí pháp, để họ hiểu rõ bản tâm của mình.

Phẩm “Tích công lũy đức” trong kinh này nói: tỳ-kheo Pháp Tạng “luôn dùng các hạnh của lục độ là bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ để giáo hóa an lập chúng sanh, trụ vào đạo Vô thượng chân chánh”. Tỳ-kheo Pháp Tạng lấy lục độ để giáo hóa chúng sanh, khiến chúng sanh an trụ vào đạo chân chánh, đây là

bồ thí pháp. Tỳ-kheo Pháp Tạng còn “trong tay thường xuất sanh châu báu vô tận, các thứ trang nghiêm, hết thảy những thứ cần thiết, những món vật tối thượng để làm lợi lạc hữu tình”, đây là bồ thí tài. Có thể thực hiện cả bồ thí tài lẫn bồ thí pháp, đó chính là đại thí chủ. Như vậy mới có thể thật sự khiến các loài chúng sanh thoát nghèo lìa khổ, nghe danh được độ, vắng sanh Tịnh độ, rốt ráo thành Phật.

“Khiến các quần sanh kia, đêm dài không ưu não, xuất sanh các thiện căn, thành tựu quả bồ-đề.”

Chúng sanh khởi một niệm vọng động, liền rơi vào vô minh, vĩnh kiếp luân hồi trong sáu cõi, trong sanh tử tối tăm, nên gọi là “đêm dài”. Vô minh đã che lấp bản tâm của chúng sanh, nên cũng là đen tối, cũng là “đêm dài”. Trong đêm dài sanh tử ấy, muốn khiến chúng sanh không ưu tư, không khổ não, vậy thì phải khiến họ “xuất sanh các thiện căn”. Phải khiến chúng sanh xuất sanh thiện căn, xuất sanh thiện căn rồi thì thiện căn sẽ kết quả, nhất định “thành tựu quả bồ-đề”. Đây chính là sự cứu độ từ bi tột cùng, cứu người như vậy thì có thể cứu được triệt để. Bạn thấy một người rất đáng thương, bạn mời họ ăn một bữa ngon, thế nhưng ngày mai họ lại đói, đây chưa phải là cứu triệt để. Để cứu người được triệt để thì phải khiến họ thành tựu các loại thiện căn, đó chính là nhất định thành tựu quả vị bồ-đề, vĩnh viễn xa lìa ưu tư, hoạn nạn, giải thoát triệt để.

Mời xem kệ tụng tiếp theo.

**Nếu con thành Chánh giác, lấy tên Vô Lượng Thọ,
Chúng sanh nghe danh này, đều đến cõi nước con,
Thân kim sắc như Phật, diệu tướng thảy viên mãn,
Lại dùng tâm đại bi, lợi ích các quần sanh,
Lìa dục sâu chánh niệm, tịnh tuệ tu phạm hạnh.**

Đoạn này nêu bật vô lượng thọ, đoạn tiếp theo sẽ làm rõ vô lượng quang. Chính vì toàn bộ đại nguyện đều lấy vô lượng quang thọ làm chủ thể, cho nên cô đức nói: “Mỗi một đại nguyện đều quy về quang thọ.”

Vì thọ mạng của Phật vô lượng, nên chúng sanh mãi mãi có Phật làm nơi nương tựa cho chính mình, vĩnh viễn không trở thành cô nhi mất mẹ. Hơn nữa, bất kỳ lúc nào A-di-đà Phật đều “nay hiện đang thuyết pháp”. Ngay cả vô lượng kiếp về sau, ngài vẫn là “nay hiện đang” khai thị cho chúng sanh, giúp họ ngộ nhập tri kiến

Phật, vĩnh viễn không gián đoạn. Lại do quang minh của Phật vô lượng, nên chiếu khắp mười phương hư không, rộng làm lợi ích cho hết thảy chúng sanh. Chính vì vô lượng quang thọ, nên các nguyện khác mới được thực hiện. Hết thảy chúng sanh nghe danh hiệu phát tâm, nhớ nghĩ Di-đà, đều vãng sanh Cực Lạc, trở thành nhất sanh bổ xứ, chắc chắn thành tựu Vô Lượng Quang Phật, Vô Lượng Thọ Phật. Có thể thấy, do quang minh và thọ mạng của Phật vô lượng mà các nguyện được thành tựu, chúng sanh nương vào Di-đà, nhất định thành tựu vô lượng quang thọ, sự huyền diệu của Tịnh tông không thể nghĩ bàn.

Đại ý của đoạn kệ tụng này là: Đại sĩ Pháp Tạng nói, tương lai khi con thành Phật, danh hiệu là Vô Lượng Thọ. Hết thảy chúng sanh chỉ cần nghe được danh hiệu của con, hoan hỷ tin nhận, y giáo tu hành, tất cả đều sẽ sanh về cõi nước Cực Lạc của con. Người sanh đến thế giới Cực Lạc đều có thân sắc vàng ròng, đầy đủ 32 tướng đại trượng phu. Người sanh đến thế giới Cực Lạc không phải là ở Cực Lạc để hưởng thụ các loại diệu lạc không thể tả của riêng mình, mà là để học tập giáo chủ A-di-đà Phật, cũng phát khởi tâm nguyện đại bi phổ độ: Nguyện vì hết thảy chúng sanh, mưu cầu lợi ích chân thật vô thượng vĩnh hằng triệt đế, nguyện độ hết thảy chúng sanh cùng sanh về Cực Lạc.

Để giác ngộ người khác, trước hết tự mình phải giác ngộ. Do đó, bản thân phải xa lìa hết thảy dục tình thế gian, thâm nhập chánh niệm, dùng trí tuệ thanh tịnh, siêng tu các hạnh thanh tịnh vô dục, từ đó mà chứng nhập niết-bàn.

Tiếp theo giải thích cụ thể đoạn kệ tụng này:

“Con nếu thành Chánh giác, lấy tên Vô Lượng Thọ, chúng sanh nghe danh này, đều đến cõi nước con.”

Bốn câu mở đầu này là trung tâm của 48 nguyện; là con mắt giáo pháp của toàn kinh; là bàn tay màu nhiệm tiếp dẫn chúng sanh của mười phương Như Lai; là chiếc bè báu giúp hết thảy chúng sanh thoát khổ, xin chú ý bốn từ then chốt: trung tâm, con mắt giáo pháp, bàn tay màu nhiệm, chiếc bè báu. 48 nguyện được triển khai trên cơ sở của bốn câu này. Thánh hiệu A-di-đà Phật có vô lượng ý nghĩa: vô lượng thọ, vô lượng quang, vô lượng thanh tịnh, vô lượng trang nghiêm, vô lượng trí tuệ, vô lượng bồ-đề, cũng chính là vô lượng của vô lượng. Vô lượng thọ biểu thị cho pháp thân thường trụ. Vì thế, danh hiệu Vô Lượng Thọ này có thể nhiếp hết thảy danh hiệu, câu danh hiệu này cũng bao quát hết thảy công đức của A-di-đà Phật.

Chúng sanh có duyên nghe được danh hiệu là nhờ sự gia bị của nguyện lực vô biên nơi biển đại thế nguyện của Di-đà. Nguyện đến cõi nước Cực Lạc, nên sẽ chí tâm tin ưa, xưng niệm A-di-đà Phật, thậm chí chỉ niệm mười tiếng, không ai là không vãng sanh. Cho nên nói “chúng sanh nghe danh này, đều đến cõi nước con”. Đây chính là trung tâm của biển đại thế nguyện, là sự tái khẳng định của nguyện thứ mười tám. Dù chứng tỏ kệ tụng của đại sĩ Pháp Tạng tuy ngắn, nhưng bao hàm tất cả những chỗ tinh hoa vi diệu của 48 nguyện. Có thể nghe được danh hiệu A-di-đà Phật mới có thể niệm A-di-đà Phật. Do có thể tín nguyện trì danh, nên được sanh về Tịnh độ. Đến cõi nước Cực Lạc rồi thì mọi thứ đều là duyên tăng thượng, không có duyên gây thoái chuyển, thọ mạng vô lượng, nhất định thành Phật, do đó được gọi là vua của các đại nguyện.

“Thân kim sắc như Phật, diệu tướng thủy viên mãn, lại dùng tâm đại bi, lợi ích các quần sanh.”

Những chúng sanh này đều đến cõi Phật, đều giống như Phật, có thân sắc vàng ròng, 32 tướng đại trượng phu, cho đến các loại tướng thù thắng vi diệu thủy viên mãn. Người vãng sanh không chỉ có thân tướng giống như Phật, mà quan trọng hơn là “lại dùng tâm đại bi, lợi ích các quần sanh”. Tâm niệm của họ cũng đều đang học Phật, giống như Phật. Mọi người đến cõi nước Cực Lạc, không phải để bản thân hưởng lạc, mà là để học Phật, nguyện giống như A-di-đà Phật, lấy tâm đại bi vĩnh hằng để lợi ích chúng sanh. Do vậy Vãng Sanh Luận nói: “Hàng Nhị thừa không sanh về.” Nếu bạn chỉ cầu tự giác, tự mình hưởng thụ an lạc, thậm chí chỉ tự tư tự lợi, như vậy làm sao vãng sanh thế giới Cực Lạc được! Do đó mọi người phải phát tâm đại bồ-đề, phải “lợi ích các quần sanh”.

Người vãng sanh, họ không chỉ có thân sắc vàng, tướng đại trượng phu, mà điều thù thắng hơn là đều có tâm đại bi, nguyện có tâm đại bi giống như Phật để lợi ích chúng sanh muôn loài. Bạn muốn giác ngộ người khác, muốn đi độ chúng sanh, thì bạn không thể không tự mình giác ngộ. Muốn khiến người khác giác ngộ mà chính mình chưa giác ngộ, làm sao có thể khiến người khác giác ngộ được! Đại sư Ngẫu Ích đã nói rất hay: Chính mình chưa giác ngộ mà lại muốn giác ngộ người khác, cũng giống như bạn đang trôi trên sông, bản thân đang giãy giữa cầu sống, thế mà bạn lại muốn cứu giúp người ở trên bờ, đây chẳng phải là chuyện nực cười đó sao? Do đó đại sư Ngẫu Ích nói rất thấu triệt, bản thân thấy người trên bờ gặp nguy

hiểm, mà không biết mình còn nguy hiểm hơn. Nếu đã như vậy, muốn cứu độ chúng sanh, trước hết phải nâng cao sự giác ngộ của chính mình.

Hoàng Niệm lão từ bi, bảo chúng ta rằng: “Tôi khuyên mọi người, nếu không có thời gian tụng kinh Vô Lượng Thọ cũng không sao, chỉ cần thường đọc đoạn kệ tụng này, công đức cũng không thể nghĩ bàn.”

“Lìa dục sâu chánh niệm, tịnh huệ tu phạm hạnh.”

“Dục” là chỉ cho tham dục. Kinh Tứ Thập Nhị Chương nói: “Lìa dục thanh tịnh là thù thắng nhất.” Đối với các đại đức xuất gia, điều này rất quan trọng, người tại gia không thể sánh bằng. Vì lìa dục là thù thắng nhất, đương nhiên không lìa dục là nguy hiểm nhất.

Trước mắt có nhiều hiện tượng kỳ quái, có một số Phật tử chẳng những không lìa dục, thậm chí còn buông thả dục vọng, tà kiến quán thân, lời lẽ quái dị mê hoặc chúng sanh. Hành giả sơ cơ phải cẩn thận nhận biết rõ ràng. Cho nên phải lìa dục, lìa khỏi những dục nhiễm này.

“Chánh niệm” là một trong bát thánh đạo. Bát thánh đạo gồm:

- | | |
|-----------------|-------------------|
| 1. Chánh kiến | 5. Chánh mạng |
| 2. Chánh tư duy | 6. Chánh tinh tấn |
| 3. Chánh ngữ | 7. Chánh niệm |
| 4. Chánh nghiệp | 8. Chánh định |

“Chánh niệm” là dùng trí tuệ chân thật để nhớ nghĩ chánh đạo, là lấy cái niệm vô lậu làm bản thể. Cũng chính là rời khỏi tà kiến phân biệt, niệm thật tánh của các pháp, gọi là chánh niệm.

“Sâu chánh niệm” chính là chánh niệm rất sâu, chính là bát-nhã ba-la-mật sâu xa được nói trong Tâm kinh, cũng chính là không có chỗ chứng đắc. Tâm kinh nói: “Vì không có chỗ chứng đắc nên Bồ-đề-tát-đỏa nương vào bát-nhã ba-la-mật-đa, tâm không chướng ngại. Vì không chướng ngại nên không sợ hãi, xa lìa điên đảo mộng tưởng, đạt đến niết-bàn rốt ráo.” Đây không phải là bát-nhã của Tiểu thừa, mà là bát-nhã bất cộng, cho nên là bát-nhã sâu xa.

Trong Quán Kinh Sớ nói: Xả bỏ hết thấy tướng, vào thật tướng các pháp, đây gọi là chánh niệm. Có thể vào thật tướng, đây là chánh niệm sâu.

“Tịnh tuệ”, trong Hội Sớ nói: chính là bát-nhã ba-la-mật, không phải là trí tuệ bất tịnh Tiểu thừa của nhân gian, nó giống như bát-nhã sâu xa vậy.

“Phạm hạnh” chính là hạnh thanh tịnh vô dục. Một vị Bồ-tát có thể đối trị hết thấy pháp bất thiện, có thể lìa khỏi hết thấy lỗi lầm, thân tâm thanh tịnh, đây chính là phạm hạnh. Lục độ vạn hạnh có thể chứng đến niết-bàn cũng được gọi là phạm hạnh.

Đại sĩ Pháp Tạng vì thực hiện hoằng nguyện phổ độ chúng sanh nên tự mình lìa dục, vào chánh niệm rất sâu, đồng thời dùng trí tuệ thanh tịnh để chiếu soi phá tan hết thấy dục nhiễm, siêng tu các loại phạm hạnh chứng nhập niết-bàn. Còn chúng sanh nghe danh hiệu, đến được cõi Phật cũng phải phát tâm đại bi phổ độ, đại bi phổ độ chúng sanh, khiến họ giác ngộ. Muốn giác ngộ người khác, trước hết tự mình phải giác ngộ, bản thân phải lìa dục, phải có chánh niệm sâu, dùng trí tuệ thanh tịnh để tu phạm hạnh chứng nhập niết-bàn.

Mời xem kệ tụng tiếp theo:

**Nguyện trí tuệ quang con, chiếu khắp mười phương cõi,
Diệt tam cấu tẩm tối, cứu khắp các ách nạn,
Đều dứt khổ tam đồ, diệt các phiền não ám,
Khai mở mắt trí tuệ, đạt được thân quang minh.**

Đoạn trên biểu thị vô lượng thọ, đoạn này biểu thị vô lượng quang. Vô lượng thọ biểu thị bản thể, vô lượng quang biểu thị tướng dụng. Từ tướng dụng của bản thể này, lưu xuất ra vô biên công đức và lợi ích của việc giáo hóa. Đại sư Thiện Đạo trong Định Thiện Nghĩa nói: Mỗi một thế nguyện của Di-đà đều là vì chúng sanh, đoạn kệ tụng này chính là thể hiện rõ tâm nguyện ấy.

Đại ý của lời nguyện là: Nguyện cho quang minh trí tuệ vô lượng của con chiếu khắp đến cõi Phật mười phương; tiêu trừ hết thấy tam tối do ba cấu nhiễm tham, sân, si của chúng sanh tạo thành, cứu giúp các loại khổ ách và tai nạn; khiến hết thấy chúng sanh đều lìa khỏi nỗi khổ của ba đường ác, tiêu trừ sự đen tối do các loại phiền não kết thành; khai mở con mắt trí tuệ vốn có trong tâm chúng sanh, và chứng đắc pháp thân quang minh thanh tịnh của Như Lai.

Tiếp theo giải thích cụ thể tám câu kệ tụng này:

“Nguyện trí tuệ quang con, chiếu khắp mười phương cõi.”

Hai câu này trực tiếp nêu ra Phật Vô Lượng Quang. Trí tuệ quang và vô lượng quang đều là một trong mười hai loại quang Phật, đều là những danh hiệu khác nhau của Phật Vô Lượng Thọ. Hơn nữa, ánh sáng của Phật chiếu khắp mười phương chính là diệu dụng của Phật Vô Lượng Quang. Trong bản dịch thời Đường, là “nguyện được vô lượng quang của Như Lai”. Do đó, trí tuệ quang chính là vô lượng quang. Do vậy, đoạn này và đoạn trên đã chỉ ra rằng biển đại thế nguyện vô lượng quang thọ này chính là chỗ nương tựa và quay về.

“Trí tuệ quang” có hai hàm nghĩa.

1. Trong kinh Niết-bàn nói: quang minh gọi là trí tuệ. Kinh Siêu Nhật Minh Tam-muội nói: Trí tuệ lớn phát lộ ra, có thể chiếu khắp pháp giới, gọi là quang minh.

2. Đại sư Đàm Loan trong Tán A-di-đà Phật Kệ nói: Do quang minh của Phật có thể phá trừ phiền não căn bản và ám hoặc vô minh của chúng sanh, cho nên Phật còn gọi là Trí Tuệ Quang. Trong bản dịch thời Đường là “nguyện được vô lượng quang của Như Lai”. “Nguyện đem trí tuệ quang” là văn của bản dịch thời Tống, do đó nói trí tuệ quang chính là vô lượng quang.

“Chiếu khắp mười phương cõi.” Trí tuệ quang chính là một trong 12 loại quang của A-di-đà Phật. Mười hai loại quang bao gồm: vô lượng quang, vô biên quang, vô ngại quang, vô đẳng quang, thường chiếu quang, thanh tịnh quang v.v.. Trí tuệ quang ở đây cũng vô lượng vô biên, nó có thể chiếu khắp cõi nước mười phương, chiếu khắp hết thủy hư không mười phương, chiếu khắp mọi nơi, không có chỗ nào không thể đạt đến. Ánh sáng này chính là trí tuệ, không những có thể phá tan sự tối tăm của đêm tối ở thế gian chúng ta, mà còn có thể phá trừ vô minh của chúng sanh. Chúng sanh sở dĩ trở thành chúng sanh, chính vì một niệm vọng động mà sanh ra vô minh, từ đó đọa lạc thành ra đáng vẻ hiện nay.

Quang minh của Phật rộng làm lợi ích, không chỉ đối với chúng sanh ở thế giới Cực Lạc, mà còn đối với hết thảy chúng sanh trong toàn pháp giới, ánh sáng Phật chiếu khắp, gia trì một cách bình đẳng. Chỉ vì lớp vỏ vô minh của con người quá dày, nên không thể cảm nhận được rõ ràng. Thế nhưng quang minh của Phật vẫn thâm lặng gia trì, nhất định không hư dối. Có thể nói rằng, bất cứ một Phật tử chân thật nào, chúng ta có được tình trạng hiện tại như thế này, đều là nhờ sự từ bi nhiếp thọ của Phật quang mà có được.

“Diệt tam cầu tam tối.”

“Tam cầu” chính là tham sân si. Tham sân si đã tạo nên sự vô tri cho chúng sanh, như người bị bệnh, mua phải thuốc giả, uống vào bị trúng độc mà chết. Do vô tri nên không thể biết được nghĩa lý chân thật, cũng không có kiến giải chân thật, cho nên gọi là “tam tối”. Cõi quỷ gọi là cõi tam tối, càng mờ mịt tam tối. Ánh sáng Phật chiếu khắp, rộng vì hết thấy chúng sanh tiêu trừ sự tối tăm và vô tri do tham sân si tạo thành, cho nên nói rằng “diệt tam cầu tam tối”.

“Cứu khắp các ách nạn.”

Hội Sớ nói: “Cứu khắp” có nghĩa là cứu độ rộng lớn, cứu độ hết thấy ách nạn. “Ách” chỉ cho bệnh tật, khổ ách; “nạn” chỉ cho tai nạn, khó khăn. Do người đời vô tri, cho nên làm sai việc, bị lừa, bị gạt, phạm pháp, tạo tội, từ đó phải chịu hình phạt, quả báo. Cái khổ của việc thọ tội báo ở dương thế, chết một lần là xong. Với gà vịt là một nhát dao, với tội nhân thì một phát súng là xong. Nhưng ở địa ngục, khổ chết là vô cùng vô tận. Sau khi họ chết, gió vừa thổi đến liền sống lại, sống rồi lại chết, chết rồi lại sống. Trong một đêm, họ trải qua không biết bao nhiêu vạn lần sanh tử, những điều này đều là do vô tri mà ra. Nếu thật sự biết những đạo lý này, họ sẽ không chịu làm như vậy.

Chúng sanh có vô lượng vô biên các loại đau khổ và tai nạn, chỉ có thể nương vào trí tuệ quang của Phật mới có thể cứu giúp. Nguyên thứ mười bốn của A-di-đà Phật nói: “Thấy quang minh của con, chiếu đến thân họ, không ai không được an lạc, khởi tâm từ làm điều lành, sau sanh về nước con.” Phẩm “Quang minh biến chiếu” trong kinh này nói: “Gặp được quang minh này, trần cấu tiêu diệt, thiện căn tăng trưởng, thân ý nhu nhuyễn. Nếu ở nơi ba đường ác cực kỳ đau khổ, thấy được quang minh này thì đều được dừng khổ, mạng chung đều được giải thoát.” “Trần cấu tiêu diệt, thiện căn tăng trưởng” được nói ở đây và “đều được giải thoát” chính là “diệt tam cầu tam tối, cứu khắp các ách nạn”. Chúng sanh ở nơi cực khổ địa ngục, nhờ quang minh của Phật chiếu đến, đều được dừng nghỉ, mệnh chung được giải thoát. Ánh sáng của Phật vi diệu thù thắng, nguyện của Phật rộng lớn sâu xa, khiến chúng sanh cảm ơn đội đức không cùng tận.

“Đều dứt khổ tam đồ, diệt các phiền não ám.”

Ân đức của trí tuệ quang là khiến chúng sanh khổ nạn “đều dứt khổ tam đồ”. Hoàn toàn xả lìa nỗi khổ của ba đường ác: ngạ quỷ, súc sanh, địa ngục, điều này rất khổ! Đồng thời diệt trừ hết thấy sự ngu si và tối tăm do phiền não tạo thành. Vô minh và các phiền não đã che lấp ánh sáng của bản tâm, khiến con người ngu muội vô tri, cho nên gọi là “ám”. “Ám” là tỉ dụ cho sự ngu muội vô tri của chúng sanh. Trí tuệ của Phật giống như ánh sáng mặt trời, ánh sáng mặt trời có thể phá tan bóng tối, cho nên nói “diệt các phiền não ám”.

“Khai mở mắt trí tuệ, đạt được thân quang minh.”

“Khai” chính là “khai tri kiến Phật”. Như Lai sở dĩ xuất hiện ở đời, chỉ vì một đại sự nhân duyên, đó chính là khai thị tri kiến Phật, khiến chúng sanh ngộ nhập tri kiến Phật. Chúng sanh có được tri kiến Phật, tức là đã khai phát được đức tướng trí tuệ vốn có, chính là “khai mở mắt trí tuệ”. Mọi người quen nghĩ rằng, khai thị chính là thuyết pháp, thực ra dùng âm thanh làm Phật sự chỉ là một trong các hình thức. Cối nước Chúng Hương lấy hương thơm làm Phật sự, chúng sanh ngửi được mùi hương, đạo nghiệp tự nhiên tăng trưởng. Nguyên này là lấy quang minh làm Phật sự, chúng sanh thấy quang minh thì khai tri kiến Phật, tức là “khai mở mắt trí tuệ”. Chữ “mắt” này đại biểu cho “kiến”. Mật tông tu trì pháp môn tâm địa, lấy “kiến, tu, hạnh, quả” làm phần chủ chốt và tông chỉ. “Kiến” được đặt ở vị trí đầu tiên, nhất định phải có chánh kiến trước, rồi mới có chánh tu, chánh hạnh và chánh quả kế chúng. Ngược lại thì chỉ là tu mù luyện đui mà thôi.

Thông thường chúng ta nói ngũ nhãn, trong kinh Hoa Nghiêm nói thập nhãn. Thứ ba là tuệ nhãn, thứ sáu là trí nhãn, thứ mười là nhất thiết trí nhãn, còn gọi là phổ nhãn. Thấy được pháp giới phổ môn, “mắt trí tuệ” trong kinh này tương đương với tuệ nhãn, trí nhãn, nhất thiết trí nhãn, có thể thấy được pháp giới phổ môn, cũng chính là bát-nhã vô thượng. Do đó, có thể nói mắt trí tuệ chính là trí tuệ đức tướng của Như Lai mà chúng sanh vốn có. Chúng sanh ngu muội vô tri, không biết rằng chính mình vốn có Phật tánh và trí tuệ của Phật. Do tự mình không có mắt, nên đã đẩy trí tuệ đức tướng của Phật sang phía Phật, cho rằng chỉ Phật mới có.

Thế nên đức Phật đại bi, quang minh của Phật rủ xuống chiếu soi, “dùng quang minh này tuyên diệu pháp”. Khai thị cho chúng sanh, khiến chúng sanh khai phát mắt trí tuệ vốn có trong tự tâm, thấy rõ tự tâm vốn có trí tuệ đức tướng của Như Lai. Trong phần vô lượng thọ đã chỉ ra trì danh là pháp cực quan trọng, trong đoạn này

nói rõ diệu dụng của trí tuệ, ngầm hiển lộ tâm bồ-đề. Đại bi đại nguyện đã được trình bày chi tiết trong kệ tụng, nay lại bổ sung đầy đủ đại trí tuệ, do vậy toàn bộ đã hiển lộ ra tâm bồ-đề. “Phát tâm bồ-đề, nhất hướng chuyên niệm” là điều kiện bắt buộc của ba bậc vãng sanh, là phần chủ chốt và tông chỉ của kinh này, đã được nhấn mạnh một lần nữa trong đoạn kệ tụng này.

“Đạt được thân quang minh” chính là khiến tất cả chúng sanh đều có thể đạt được thân quang minh.

“Đạt được thân quang minh” có ba hàm nghĩa:

1. Trong kinh Thiên Thủ Đà-la-ni nói: Người trì chú, nên biết người này tức là quang minh tạng, bởi vì ánh sáng của hết thảy Như Lai đều chiếu đến.

2. Trong kinh Tư Ích nói: Thân Như Lai có vô lượng quang minh, cho nên thân Như Lai chính là kho tàng vô lượng quang minh.

3. Trong Vãng Sanh Luận Chú nói: Quang minh tạng chính là trí tuệ tạng, thân quang minh chính là thân trí tuệ. Do đó, khai mở mắt trí tuệ liền thành tựu thân quang minh, bởi vì trí tuệ và quang minh là không hai. Từ đây có thể thấy, Phật mong hết thảy chúng sanh cũng đều có trí tuệ của Phật, thân của Phật. Thân tâm đều giống như Phật, đồng với Như Lai.

Trong tiết học này, tôi có vài câu nói như sau: Mọi người đến cõi nước Cực Lạc, không phải là để bản thân hưởng lạc, mà là để học Phật, nguyện giống như A-di-đà Phật, lấy tâm đại bi vĩnh hằng để lợi ích chúng sanh. Xin hãy chú ý hai từ “vĩnh hằng”. Các đồng tu ở tiểu viện Lục Hòa, chúng ta khoan nói đến “vĩnh hằng”, trước hết hãy tự hỏi chính mình: bạn có tâm đại bi cứu khổ chúng sanh hay không? Đừng quên rằng Bồ-đề Tâm phát tâm xây dựng là đạo tràng lục hòa kính để pháp giới chúng sanh cùng hưởng. Chúng ta sống ở tiểu viện Lục Hòa là nhân viên phục vụ cho pháp giới chúng sanh, chứ không phải là thái thượng hoàng hống hách cao ngạo. Người đến tiểu viện tham học là muôn hình vạn trạng, bạn có biết thân phận thật sự của họ là gì không? Bạn là một phàm phu chưa khai ngộ, cho dù một vị A-la-hán đứng ngay trước mắt, bạn cũng không nhận ra.

Hãy nhớ hai hôm trước tôi đã nói, tiểu viện Lục Hòa không có gì ghê gớm, Lưu Tổ Vân không có gì ghê gớm, Bồ-đề Tâm, Từ Bi Tâm cũng không có gì ghê gớm. Tôi nói những lời này, tuyệt đối không phải là lời nói vô căn cứ, bởi vì tôi đã

cảm nhận được một thứ ngã mạn đang nảy nở. Tiểu viện Lục Hòa phải xác định đúng vị trí của mình, là phục vụ cho pháp giới chúng sanh, chứ không phải làm giá, chờ người khác đến học tập. Mọi người còn nhớ câu chuyện tôi đã kể mấy hôm trước không? Một người muốn xuất gia, Thích-ca Mâu-ni Phật bảo các đệ tử của ngài xem xét, nhiều đệ tử xem xong, nói rằng trong tám vạn đại kiếp, người này không có chút thiện căn nào. Bảo người đó rằng: “Ông không có thiện căn, không thể xuất gia, ông đi đi.” Người đó rời đi, giữa đường gặp Thích-ca Mâu-ni Phật, ông thưa với Phật là muốn xuất gia. Thích-ca Mâu-ni Phật đã thu nhận ông, ông đã xuất gia. Các đệ tử không hiểu, hỏi Phật: “Ông ấy không có thiện căn, tại sao ngài lại thu nhận?” Thích-ca Mâu-ni Phật bảo các đệ tử: “Các ông không biết, tám vạn đại kiếp trước, ông ấy là một người đốn củi. Ông lên núi thì gặp hổ, hổ đuổi theo, ông trèo lên cây. Sau đó hổ bỏ đi, ông đã niệm một câu ‘nam-mô Phật’”. Chỉ ba chữ này thôi, tám vạn đại kiếp trước, ông ấy đã gieo một chút thiện căn. Tám vạn đại kiếp sau, ông gặp được Thích-ca Mâu-ni Phật, ông xuất gia và đắc đạo. Các bạn nghe câu chuyện này lẽ nào đã uổng công nghe rồi sao?

Người đến đều là khách, đều là khách quý của tiểu viện Lục Hòa, đều là khách của cô giáo Lưu. Nói một cách thân thiết hơn, đều là người nhà của chúng ta, đều là người thân của chúng ta. Bất kỳ ai, bao gồm cả tôi, bao gồm cả Bồ-đề Tâm, bao gồm cả Từ Bi Tâm, đều không có tư cách đối xử lạnh nhạt với người nhà, người thân. Tiểu viện Lục Hòa không cho phép chuyện này xảy ra.

Làm thế nào để trở thành người lục hòa đúng mực? Làm thế nào dùng hành động thực tế của mình để trang nghiêm tiểu viện Lục Hòa? Bạn làm dòng suối trong hay là làm té bào ung thư? Đi hay ở, hãy tự mình lựa chọn. Trong lúc giảng kinh, phải nhớ cẩn trọng lời nói và hành vi, tuyệt đối không được tạo tác tội nghiệp.

Tiết học này giao lưu đến đây, cảm ơn mọi người. A-di-đà Phật!